TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2020/HS-ST
Ngày 21/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Hoàng Ân**

2/ Ông **Phan Thanh Tùng**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/QĐXXST– HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc K; sinh ngày 22/7/1998 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp PH, xã MT B, huyện CT, KG; Chỗ ở hiện nay: Không có chỗ ở nhất định; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn P; sinh năm 1977 và bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1978; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/3/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Nguyễn Tấn K1**; sinh năm 1981 (có mặt).

Trú tại: ấp PH, xã MT B, huyện CT, KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ, ngày 07 tháng 3 năm 2020 Nguyễn Quốc K đi nhờ xe của một người tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến nhà chú của K là anh Nguyễn Tấn K1 trú tại ấp PH, xã MT B, huyện CT, KG xin ngủ nhờ. Khi đến nơi K thấy nhà anh K1 đã đóng cửa, không có mở đèn chiếu sáng và bên hông nhà có đậu một xe mô tô Yamaha Exciter màu trắng - đỏ, biển kiểm soát 68C1 - 217.37 nên K nảy sinh ý định trộm chiếc xe của anh K1 đem cầm lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên K dùng một đoạn cây gỗ để đẩy chốt cửa chính của nhà anh K1 làm cửa mở rồi K đi vào trong nhà. Tiếp đó, K lấy chìa khóa xe của anh K1 để trong nón bảo hiểm rồi đi ra bên hông nhà đến chỗ chiếc xe mô tô, K dùng chìa khóa khởi động xe rồi chạy đi.

Sau đó, K điều khiển xe đến gặp Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1998, cư trú tại ấp Vĩnh Hội, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là bạn của K, K nói với T1 cầm cố chiếc xe trên với giá 13.000.000 đồng. Khi T1 hỏi xe của ai thì K nói chiếc xe trên là của chú K nhờ cầm giùm. Do không biết đây là tài sản do K trộm cắp mà có nên T1 đồng ý cầm cố chiếc xe trên. T1 trả cho K 10.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng T1 chưa đưa cho K. Số tiền này K dùng vào việc tiêu xài cá nhân.

Anh K1 sau khi phát hiện xe bị mất đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang trình báo. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tiến hành điều tra xác định K là người đã trộm cắp tài sản của anh K1, đồng thời mời K về Cơ quan Công an làm việc. Tại Cơ quan điều tra, K đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 17/KL-HĐTĐGTS, ngày 20/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: Chiếc xe mô tô Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ, số khung: RLCUG0610FY039038, số máy: G3D4E040846, biển kiểm soát 68C1 - 217.37, đã qua sử dụng có giá trị là 27.600.000 đồng.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tấn K1 một xe mô tô Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ, biển số kiểm soát 68C1 - 217.37.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, người bị hại là anh K1 đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà anh T1 đã bỏ ra để cầm cố chiếc xe biển số kiểm soát 68C1-217.37, anh T1 không có yêu cầu K phải trả lại nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Thanh T1 có hành vi cầm cố chiếc xe trộm cắp của Nguyễn Quốc K. Quá trình điều tra đã chứng minh T1 không biết chiếc xe trên là do K trộm cắp mà có. Ngoài ra, hiện nay T1 đã bỏ địa phương đi đâu không rỏ nên chưa thể làm việc lần 02 đối với T1. Khi nào làm việc được với T1 sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Đối với đối tượng tên T. Theo lời khai của K có là người cho K đi nhờ xe đến nhà của anh K1. Quá trình điều tra do không biết họ tên địa chỉ cụ thể nên không làm việc được với T để làm rõ mối liên quan của T đối với vụ án. Vì vậy đối với đối tượng này sẽ tiếp tục điều tra làm rỏ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKS-CT ngày 22/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc K về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Quốc K phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc K** từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 01 giờ, ngày 07/3/2020 Nguyễn Quốc K đi đến nhà anh Nguyễn Tấn K1 trú tại ấp PH, xã MT B, huyện CT, KG chơi nhưng khi đến nơi thì thấy nhà anh K1 đóng cửa và bên hông nhà có đậu một chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng - đỏ mang biển số kiểm soát 68C1 - 217.37 nên K nảy sinh ý định trộm. Để thực hiện ý định trên, K lẻn vào nhà anh K1 lấy trộm chìa khóa xe rồi quay ra hông nhà khởi động xe chạy đi đến cầm cho Nguyễn Thanh T1 với giá 13.000.000 đồng nhưng anh T1 mới đưa trước cho K được 10.000.000 đồng, K lấy số tiền trên tiêu xài cá nhân. Theo kết quả định giá thì chiếc xe mà bị cáo lấy trộm của anh K1 có giá trị là 27.600.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ....*". Như vậy, việc bị cáo lén lút xe của anh K1 có giá trị 27.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" như đã viện dẫn nêu trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thưc rỏ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức hậu quả gây ra, thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động nên khi nhìn thấy xe anh K1 đang đậu cạnh hông nhà không người trông giữ bị cáo liền nhanh tay lấy cắp đem cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa người bị hại cũng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

6.1 Do chiếc xe bị mất trộm người bị hại anh Nguyễn Tấn K1 đã được nhận lại và do anh K1 không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

6.2 Ngoài ra đối với số tiền 10.000.000 đồng mà anh Nguyễn Thanh T1 đã bỏ ra cầm xe của bị cáo. Trong quá trình điều tra có thể hiện là khi cầm xe anh T1 không biết được chiếc xe trên là do trộm cắp mà có và do hiện nay anh T1 đã bỏ địa phương đi, không xác định được đi đâu. Ngoài ra theo như hồ sơ vụ án thể hiện là anh T1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại 10.000.000 đồng cho anh nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc K phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc K 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được Th kể từ ngày 31/3/2020.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Quốc K phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong